

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị S, sinh năm 1990. *Vắng mặt.*

- Bị đơn: anh Trần Văn Th, sinh năm 1984. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2022, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị S trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trần Văn Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 29/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh Th đánh đập chị nhiều lần. Nay chị thấy vợ chồng

không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Trọng H, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Trọng T, sinh ngày 24/01/2015. Anh Th hiện đang làm nghề nhôm kính, thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện để nuôi con. Khi ly hôn, chị giao 02 con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25/10/2022, đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải và xin xét xử vắng mặt ngày 10/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Anh Th thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nhưng anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Trọng H, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Trọng T, sinh ngày 24/01/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Trần Văn Th có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh N. Chị S yêu cầu ly hôn với anh Th và giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên quan hệ pháp luật được xác định là “*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn, chị Lê Thị S và bị đơn, anh Trần Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: chị Lê Thị S và anh Trần Văn Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 29/5/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị S là do anh Th nhiều lần đánh đập chị. Anh Th thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th yêu cầu được đoàn tụ, nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị S và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị S và anh Th có 02 con chung tên là Trần Trọng H, sinh ngày 19/9/2011 và Trần Trọng T, sinh ngày 24/01/2015. Khi ly hôn, chị S giao hai con cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th thống nhất. Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/10/2022, cháu H và cháu T có nguyện vọng ở với anh Th. Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2022, anh Th và chị S thống nhất giao hai con chung cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên. Xét thấy việc thỏa thuận của anh Th và chị S về nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Lê Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị S đối với anh Trần Văn Th về việc "*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*".

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị S và anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: giao cháu Trần Trọng H, sinh ngày 19/9/2011 và cháu Trần Trọng T, sinh ngày 24/01/2015 cho anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Th không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: không có

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Lê Thị S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị S đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004825 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn
(Giấy CNKH số 36 ngày 29/5/2018);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA